TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN** ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ---

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Yến Linh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bính
2. Bà Lưu Thị Thôi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn –Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Cao Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ D**, sinh năm: 1983.
Nơi cư trú: Thôn Tiến H, xã Tiến L, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn H**, sinh năm: 1973.
Nơi cư trú: Khu phố B, phường Thanh H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà D, vắng mặt ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Tấn H tự tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 2012 thì đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, cấp ngày 13/4/2012.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng bà chung sống tại nhà cha mẹ chồng tại phường Thanh H, thành phố Phan Thiết. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc yêu thương nhau. Nhưng về sau thì bà D phát hiện ông H đam mê số đề lại không siêng năng đi làm cùng vợ nuôi con. Trong nhiều năm qua bà D đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Đến đầu năm 2020 vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả nhau về những vấn đề hằng ngày trong cuộc sống gia đình. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng nhiều quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống gia đình hàng ngày nặng nề, ảnh hưởng đến con cái và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc như lúc trước. Từ tháng 4/2020 vợ chồng đã tự sống xa nhau cho đến nay.

Nay bà D xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên đã làm đơn khởi kiện mong Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Tấn K (nam), sinh ngày 01/02/2013; Nguyễn Đăng A (nam), sinh ngày 20/12/2014. Nguyện vọng sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 2 con chung đối với ông Nguyễn Tấn H.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Tấn H luôn vắng mặt không có lý do chính đáng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng:* Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng theo thủ tục. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H không đến Tòa án lần nào. Căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 92, điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông Hưng.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện mâu thuẫn giữa ông H và bà D đã trầm trọng. Do đó, căn cứ Điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Mỹ D về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Mỹ D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với ông Nguyễn Tấn H, ông H có hộ khẩu

thường trú và nơi cư trú là khu phố B, phường Thanh H, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân, ông Nguyễn Tấn H và bà Phạm Thị Mỹ D có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2012 tại UBND phường Thanh H, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của ông H và bà D là hợp pháp.

Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Qua lời khai của bà Diệp, vợ chồng ông bà đã không còn hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng nặng nề, ảnh hưởng đến con cái. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H luôn vắng mặt không có lý do chính đáng. Điều này chứng tỏ mối quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự rạn nứt, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D là phù hợp.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H luôn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 70, Điều 72, Điều 92, điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xem như ông H đã tự khước từ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Tấn K (nam), sinh ngày 01/02/2013; Nguyễn Đăng A (nam), sinh ngày 20/12/2014. Sau khi ly hôn, bà Phạm Thị Mỹ D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con vì hiện nay bà D đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai của 02 cháu, thì 02 cháu K và A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo đời sống của 02 cháu được ổn định Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Tấn K (nam), sinh ngày 01/02/2013; Nguyễn Đăng A (nam), sinh ngày 20/12/2014 cho bà Phạm Thị Mỹ D nuôi dưỡng.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 2 con chung đối với ông Nguyễn Tấn H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Do ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến trình bày của đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận về việc xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung của bà Phạm Thị Mỹ D là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì bà Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 02 Điều 227, khoản 03 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ D. Bà Phạm Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Tấn K (nam), sinh ngày 01/02/2013; Nguyễn Đăng A (nam), sinh ngày 20/12/2014. Giao 02 cháu Nguyễn Tấn K (nam), sinh ngày 01/02/2013; Nguyễn Đăng A (nam), sinh ngày 20/12/2014 cho bà Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về phương thức cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 2 con chung đối với ông Nguyễn Tấn H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 16/02/2022 bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Phan Thiết thu biên lai số 0004316 nay được chuyển sang án phí và sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các đương sự. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tính từ ngày tuyên án (25/7/2022) và của bị đơn tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND thành phố Phan Thiết;*
- *VKSND thành phố Phan Thiết;*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết;*
- *UBND xã, phường (nơi đăng ký kết hôn);*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Yến Linh